

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 01 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tú

Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 “V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990; dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Thôn 1, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; Dân tộc: Tày; nơi cư trú: Đội 1, thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D lấy nhau có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An từ ngày 11/5/2017, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới chị về làm dâu và chung sống cùng bố mẹ anh D tại Đội 1, thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang được một thời gian ngắn,

sau đó cùng nhau đi làm thuê tại Hà nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được hơn 01 năm sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn D không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bỏ mặc chị tự lo kinh tế gia đình và chăm nom con cái, dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Gia đình bên nội cũng đã khuyên bảo anh D nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng cũng không khắc phục được, nên chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn yêu cầu anh Nguyễn Văn D đến trụ sở Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh D đều vắng mặt. Do đó, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương xã V, huyện B trực tiếp thông báo và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho người nhà và niêm yết các văn bản, giấy tờ của Tòa án đã ban hành theo đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định, nhưng anh Nguyễn Văn D vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 25/11/2021 giữa Tòa án với ông Nguyễn Trọng N (là bố đẻ của anh Nguyễn Văn D) cho biết: Chị Nguyễn Thị T lấy con trai ông là Nguyễn Văn D từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi cưới cả hai anh chị sống tại gia đình được thời gian ngắn, sau đó cả hai anh chị cùng đi làm thuê tại Hà nội, quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc và có 02 con chung, nhưng theo ông được biết năm 2019, sau khi chị T mang thai đứa con thứ hai thì chị T đã bỏ con trai ông là Nguyễn Văn D về sinh sống tại quê ngoại ở thôn 1, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An, giữa hai anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Do con trai của ông là Nguyễn Văn D, đi làm ăn nay đây mai đó, không thường xuyên ở nhà, nay chị Nguyễn Thị T có đơn đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đề nghị giải quyết ly hôn, ông cho rằng các cháu đã sống ly thân từ năm 2019 nên đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh chị cũng như các cháu.

Về con chung: Theo lời khai của nguyên đơn và qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/10/2017 và Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 16/9/2019, hiện cả hai cháu đang sống cùng chị T tại xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An. Quan điểm của chị Nguyễn Thị T khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi không yêu cầu anh Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa lần thứ nhất có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do, còn tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, về con chung đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Về tài sản chung chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh Nguyễn Văn D đã không tuân thủ và thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

+ Về việc nuôi con chung: Đề nghị xử giao cả hai cháu là Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/10/2017 và Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 16/9/2019 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Xét đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn, biên bản làm việc với ông Nguyễn Trọng N (là bố đẻ của bị đơn) và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B thấy rằng, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D lấy nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, theo nguyên đơn trình bày giữa hai anh chị chỉ sống hạnh phúc được khoảng một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn D không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bỏ mặc chị tự lo kinh tế gia đình và chăm nom con cái, dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, vì vậy sau khi mang thai cháu thứ hai vào năm 2019, chị T đã bỏ anh Nguyễn Văn D về sinh sống tại quê ngoại ở thôn 1, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An, giữa hai anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Lời khai của chị Nguyễn Thị T về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian anh chị sống ly thân hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Trọng N (là bố đẻ của bị đơn Nguyễn Văn D). Trên cơ sở các biên bản xác minh đã lập tại chính quyền địa phương và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

[4] Về việc nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/10/2017 và Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 16/9/2019. Quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét thấy yêu cầu về việc nuôi con chung của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, vì trên thực tế từ năm 2019 đến nay cả hai cháu vẫn đang sống cùng chị Nguyễn Thị T. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi, tâm sinh lý của hai cháu, cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cả hai cháu Nguyễn Thị Hương G và Nguyễn Thị Thúy A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn cố tình trốn tránh và không có đơn yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về việc nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 11/10/2017 và Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 16/9/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn D có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0003061 ngày 27 tháng 10 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã K, huyện A; tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Tú

Hoàng Thị Vân

Đàm Thị Tư